

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với công ty
nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ**

Căn cứ Nghị định số 97/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Sau khi có ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đại diện của người sử dụng lao động và Bộ, ngành liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Công ty được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, bao gồm:

a) Tổng công ty nhà nước;

b) Công ty nhà nước độc lập;

c) Công ty mẹ là công ty nhà nước trong Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;

d) Công ty mẹ là công ty nhà nước trong Tổng công ty hoặc công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con;

đ) Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập 100% vốn nhà nước thuộc Tập đoàn kinh tế trong thời gian chưa chuyển đổi và đăng ký lại theo quy

định tại Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

e) Công ty thành viên hạch toán độc lập 100% vốn nhà nước thuộc Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập.

2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và các tổ chức của Nhà nước đang áp dụng chế độ tiền lương như công ty nhà nước.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Các công ty, tổ chức quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư này sau đây gọi chung là công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch công ty), Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (không bao gồm Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng).

Điều 3. Thực hiện mức lương tối thiểu vùng

1. Mức lương tối thiểu vùng để trả công đối với người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường ở các công ty thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 theo Điều 2 Nghị định số 97/2009/NĐ-CP như sau:

a) Mức 980.000 đồng/tháng áp dụng đối với công ty hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I, bao gồm:

- Các quận thuộc thành phố Hà Nội;
- Các quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

b) Mức 880.000 đồng/tháng áp dụng đối với công ty hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II, bao gồm:

- Các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai và thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;

- Các huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh;

- Các quận và các huyện Thủy Nguyên, An Dương, An Lão thuộc thành phố Hải Phòng;

- Các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng;

- Các quận thuộc thành phố Cần Thơ;

- Thành phố Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh;

- Thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai;

- Thị xã Thủ Dầu Một và các huyện Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương;

- Thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa và huyện Tân Thành thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

c) Mức 810.000 đồng/tháng áp dụng đối với công ty hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III, bao gồm:

- Các thành phố trực thuộc tỉnh (trừ các thành phố thuộc tỉnh nêu tại vùng II);

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;

- Thị xã Từ Sơn và các huyện Quế Võ, Tiên Du, Yên Phong thuộc tỉnh Bắc Ninh;

- Các huyện Việt Yên, Yên Dũng thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Huyện Hoàn Kiếm thuộc tỉnh Quảng Ninh;

- Thị xã Hưng Yên và các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;

- Các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Chí Linh, Kim Thành, Kinh Môn, Gia Lộc, Bình Giang, Tứ kỳ thuộc tỉnh Hải Dương;
- Thị xã Phúc Yên, huyện Bình Xuyên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;
- Các thị xã Uông Bí, Cẩm Phả thuộc tỉnh Quảng Ninh;
- Các huyện Điện Bàn, Đại Lộc thuộc tỉnh Quảng Nam;
- Thị xã Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng;
- Thị xã Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hoà;
- Huyện Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh;
- Thị xã Đồng Xoài và các huyện Chơn Thành, Đồng Phú thuộc tỉnh Bình Phước;
- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Bình Dương;
- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Thị xã Tân An và các huyện Đức Hoà, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An;
- Các huyện thuộc thành phố Cần Thơ;
- Các huyện Châu Đức, Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

d) Mức 730.000 đồng/tháng áp dụng đối với công ty hoạt động trên địa bàn thuộc vùng IV, bao gồm các địa bàn còn lại.

2. Đối với công ty có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn vùng nào áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn đó.

3. Công ty nêu tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1 Thông tư này áp dụng mức lương tối thiểu vùng để tính đơn giá tiền lương theo khoản 1, Điều 3 Nghị định số 97/2009/NĐ-CP như sau:

a) Công ty bảo đảm đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 206/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ và điểm b, khoản 1, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 của

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì được áp dụng mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng để tính đơn giá tiền lương, trong đó công ty được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm (K_{dc}) không quá 1,34 lần so với mức lương tối thiểu chung.

Đối với công ty bảo đảm đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 206/2004/NĐ-CP và điểm b, khoản 1, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH và có lợi nhuận kế hoạch cao hơn từ 5% trở lên so với lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề thì được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm (K_{dc}) không quá 2 lần so với mức lương tối thiểu chung.

b) Căn cứ vào hệ số điều chỉnh tăng thêm so với mức lương tối thiểu chung (K_{dc}) được áp dụng nêu trên, công ty lựa chọn mức lương tối thiểu để tính đơn giá tiền lương (quy định lựa chọn mức lương tối thiểu này thay thế quy định lựa chọn mức lương tối thiểu theo điểm b, khoản 2, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH) trong khung mức tiền lương tối thiểu quy định như sau:

- Mức lương tối thiểu lựa chọn thấp nhất bằng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định ($TL_{minvùng}$). Trường hợp công ty có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì tính bình quân gia quyền mức lương tối thiểu vùng và số lao động của công ty làm việc tại các địa bàn đó.

- Mức lương tối thiểu lựa chọn cao nhất: $TL_{max} = TL_{min} (1 + K_{dc})$, trong đó:

+ TL_{min} : Mức lương tối thiểu chung.

+ K_{dc} : Hệ số điều chỉnh tăng thêm so với mức lương tối thiểu chung theo điểm a, khoản 3, Điều 3 Thông tư này, với:

$$\left[\frac{TL_{minvùng}}{TL_{min}} - 1 \right] < K_{dc} \leq 1,34 \text{ hoặc } 2$$

Căn cứ vào khung mức tiền lương tối thiểu từ $TL_{minvùng}$ đến TL_{max} , công ty có thể chọn bất cứ mức lương tối thiểu nào thuộc khung này để tính đơn giá tiền lương khi bảo đảm quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 3 Thông tư này.

Mức lương tối thiểu chung tại điểm a và điểm b, khoản 3 Điều 3 Thông tư này được quy định tại Điều 1, Nghị định số 33/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ. Khi Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu chung thì thực hiện theo mức lương tối thiểu chung đã được điều chỉnh.

4. Công ty nêu tại khoản 3, Điều 1 Thông tư này áp dụng mức lương tối thiểu thấp nhất bằng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định để tính

đơn giá tiền lương. Trường hợp bảo đảm đủ các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định số 86/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ và khoản 2.1, phần A, mục III Thông tư số 15/2007/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì được lựa chọn áp dụng cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định (không hạn chế mức tối đa).

5. Mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định ($TL_{\min\text{vùng}}$) thay thế mức lương tối thiểu chung (TL_{\min}) dùng để xác định quỹ tiền lương của công ty như sau:

a) Xác định quỹ tiền lương chế độ (V_{cd}), quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương theo quy định tại điểm a, khoản 4, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005; điểm a, khoản 2.4, phần A, mục III Thông tư số 15/2007/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ví dụ: Theo quy định tại điểm a, khoản 4, mục III Thông tư số 07/2005/TT-BLĐTBXH: “Quỹ tiền lương chế độ (V_{cd}), được xác định bằng số lao động định mức nhân với hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân, hệ số phụ cấp lương bình quân và mức lương tối thiểu chung” thì nay được điều chỉnh như sau “quỹ tiền lương chế độ (V_{cd}), được xác định bằng số lao động định mức nhân với hệ số lương theo cấp bậc công việc bình quân, hệ số phụ cấp lương bình quân và mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định”.

b) Xác định quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương chế độ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch công ty), Tổng giám đốc, Giám đốc công ty không có lợi nhuận hoặc lỗ theo quy định tại điểm b, khoản 1, điểm b, d, đ, khoản 2, mục III Thông tư số 08/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 và điểm b, khoản 2.1, điểm b, d, đ, khoản 2.2, phần B, mục III Thông tư số 15/2007/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Căn cứ mức lương tối thiểu vùng quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư này, công ty rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế trả lương, bảo đảm tiền lương trả cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Bãi bỏ Thông tư số 23/2008/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với công ty nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

2. Kinh phí thực hiện mức lương tối thiểu quy định tại Thông tư này do công ty bảo đảm và được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của công ty mẹ trong Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các công ty thực hiện theo đúng quy định của Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn bổ sung kịp thời.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW các đoàn thể và các Hội;
- Sở Tài chính tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế và tổng công ty hạng đặc biệt;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đăng Công báo;
- Website của Chính phủ;
- Website của Bộ LĐTBXH;
- Lưu VP. Vụ LĐTL Bộ LĐTBXH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Minh Huân